

Số: /KH-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện Nghị quyết số 47/NQ-HĐND
ngày 15/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch
thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn
đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn**

Thực hiện Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 15/7/2025 của Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Lạng Sơn ban hành kế hoạch triển khai, thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ, chỉ tiêu của Nghị quyết số 47/NQ-HĐND vào chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của từng cấp, từng ngành, từng địa bàn; gắn với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, tạo sự thống nhất trong chỉ đạo và hành động trên phạm vi toàn tỉnh. Tập trung chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của từng cơ quan, đơn vị; bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế, gắn kết quả thực hiện với trách nhiệm của người đứng đầu và tăng cường phối hợp liên ngành để nâng cao hiệu quả thực thi.

Xác định rõ việc thực hiện Nghị quyết là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên, lâu dài và xuyên suốt trên địa bàn tỉnh; bảo đảm triển khai đồng bộ, hiệu quả, thiết thực, gắn với việc thực hiện mô hình chính quyền hai cấp, phân cấp, ủy quyền trong quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo. Đồng thời, chú trọng huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, bảo đảm công bằng trong tiếp cận cơ hội học tập, thu hẹp khoảng cách vùng miền, tạo điều kiện cho mọi học sinh đều được học tập, phát triển năng lực.

Phấn đấu đến năm 2030, giáo dục Lạng Sơn đạt mức khá trong nhóm các tỉnh miền núi phía Bắc; đến năm 2045, hoàn thành chuyển đổi số toàn diện trong giáo dục, hình thành nền giáo dục thông minh, chất lượng cao, hiện đại, hội nhập sâu rộng, góp phần đưa Lạng Sơn trở thành địa phương nằm trong nhóm dẫn đầu cả nước về chuyển đổi số và phát triển bền vững.

2. Yêu cầu

Phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng cho từng sở, ban, ngành, UBND các cấp; gắn kết quả triển khai với trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

Nội dung, chỉ tiêu, giải pháp phải cụ thể, có tính khả thi cao, phù hợp với điều kiện thực tiễn; xác định rõ mốc thời gian, sản phẩm đầu ra, bảo đảm tính thiết thực, hiệu quả.

Quá trình triển khai phải công khai, minh bạch; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá; tổ chức sơ kết, tổng kết kịp thời để rút kinh nghiệm, nhân rộng điển hình, điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, giải pháp phù hợp, bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ ĐẾN NĂM 2030

1. Giáo dục mầm non

Tiếp tục duy trì, củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phấn đấu hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo. Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ đến trường đạt 48,5%, trẻ em mẫu giáo đạt 99,2%.

Phấn đấu có 100% trẻ em mầm non đến trường được ăn bán trú và được học 2 buổi/ngày. Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục được nâng cao, đảm bảo trẻ em được phát triển toàn diện về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào học lớp 1 phổ thông.

100% trẻ em đến trường được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định; hằng năm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng cả hai thể (nhẹ cân và thấp còi) trong các cơ sở giáo dục mầm non giảm xuống dưới 8,0%.

100% giáo viên mầm non đạt chuẩn trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục.

Phấn đấu tỷ lệ trường mầm non dân lập, tư thục đạt 5,2%, số trẻ em vào học tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục đạt 7,0%.

Phấn đấu tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 100%; có trên 57,6% trường mầm non đạt chuẩn quốc gia.

2. Giáo dục phổ thông

Duy trì vững chắc và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở; 100% các đơn vị cơ sở đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở mức độ 3, hướng mục tiêu tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3, tiến tới thực hiện giáo dục bắt buộc 9 năm.

Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp duy trì ít nhất 30% số học sinh, đối với các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 25% số học sinh; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông tiếp tục học tập tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng, các cơ sở đào tạo trình độ đại học đạt ít nhất 45% số học sinh; đối với các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 35% số học sinh.

Tỷ lệ đi học đúng độ tuổi cấp tiểu học đạt 99,6%, cấp trung học cơ sở đạt 98,2%; tỷ lệ hoàn thành cấp tiểu học đạt 99,7%, trung học cơ sở đạt 100% và hoàn thành cấp trung học phổ thông đạt trên 98%; tỷ lệ chuyển cấp từ tiểu học lên trung học cơ sở đạt 100%, từ trung học cơ sở lên trung học phổ thông và các trình độ khác đạt 95%; tiếp tục duy trì 100% học sinh tiểu học được học 02 buổi/ngày và thực hiện dạy học 02 buổi/ngày đối với các trường trung học cơ sở.

Tỷ lệ học sinh phổ thông các cấp được tiếp cận giáo dục nghệ thuật, giáo dục di sản văn hóa, giáo dục về công viên địa chất đạt 100%; tỷ lệ học sinh được tham quan các di tích đã xếp hạng các cấp, tham quan, học tập tại bảo tàng, thư viện, các điểm tham quan trong vùng Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Lạng Sơn đạt 80%.

100% giáo viên phổ thông đạt chuẩn trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục.

Phần đầu số cơ sở giáo dục phổ thông tư thục đạt 0,65% và số học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục phổ thông dân lập, tư thục đạt 1,5%.

Phần đầu tỷ lệ phòng học kiên cố cấp tiểu học, cấp trung học cơ sở, cấp trung học phổ thông đạt 100%.

Phần đầu tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia: cấp tiểu học đạt 74,4%; cấp trung học cơ sở đạt 54,5%; cấp trung học phổ thông đạt 61,5%.

Phần đầu 98% trường học đạt danh hiệu “đơn vị đạt chuẩn văn hóa”.

3. Giáo dục đại học

Số sinh viên đại học/vạn dân đạt ít nhất 155 sinh viên; tỷ lệ sinh viên đại học trong độ tuổi 18-22 đạt ít nhất 33%.

4. Giáo dục thường xuyên và giáo dục nghề nghiệp

Phần đầu tỷ lệ người biết chữ mức độ 1 trong độ tuổi từ 15 - 60 đạt 99,6%. Duy trì vững chắc đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

Triển khai, đánh giá, công nhận các mô hình học tập trên toàn tỉnh; phần đầu có ít nhất 65% xã, phường được công nhận danh hiệu cộng đồng học tập cấp xã, 75% các cơ quan, đơn vị đạt danh hiệu đơn vị học tập các cấp.

Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 76%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35 - 40%.

Dịch chuyển cơ cấu trình độ và ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế tri thức và hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền thực hiện Chiến lược

Các cấp ủy, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị liên quan quán triệt sâu sắc quan điểm “Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu”. Xác định việc thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn 2045

là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, lâu dài và thường xuyên. Lòng ghép mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục vào kế hoạch công tác hằng năm, gắn trách nhiệm của cơ quan, đơn vị và người đứng đầu với kết quả thực hiện. Chủ động ban hành văn bản triển khai thực hiện Nghị quyết 47/NQ-HĐND đảm bảo đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở.

Tăng cường tuyên truyền, quán triệt sâu rộng mục tiêu, nội dung đổi mới giáo dục. Đa dạng hóa hình thức tuyên truyền, ứng dụng công nghệ số, phát huy vai trò gương mẫu, nhân rộng mô hình học tập tiêu biểu. Đảm bảo 100% cơ sở giáo dục có kế hoạch thực hiện phù hợp thực tiễn.

Rà soát, hoàn thiện chính sách giáo dục; xây dựng cơ chế đặc thù hỗ trợ vùng khó khăn, trường chuyên biệt, phát triển nhân lực chất lượng cao và thu hút giáo viên giỏi.

Đẩy mạnh phối hợp liên ngành, tăng cường kiểm tra, giám sát thực hiện Chiến lược. Tổ chức đối thoại định kỳ với giáo viên, cán bộ, người học để kịp thời điều chỉnh chính sách. Đưa kết quả thực hiện Chiến lược vào tiêu chí thi đua, khen thưởng hằng năm.

2. Đổi mới quản lý giáo dục, quản trị nhà trường và đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý giáo dục; bảo đảm thống nhất, liên thông từ tỉnh đến cơ sở. Rà soát, hoàn thiện cơ cấu tổ chức, phân cấp, ủy quyền rõ ràng, nâng cao năng lực thực thi và trách nhiệm giải trình. Phân định rõ chức năng quản lý nhà nước và quản trị nội bộ trong từng cơ sở giáo dục.

Bảo đảm 100% trường công lập áp dụng phần mềm quản lý, sử dụng hồ sơ điện tử, xây dựng cơ sở dữ liệu ngành kết nối với hệ thống quốc gia. Phát triển mô hình trường học thông minh, số hóa quy trình quản lý, giảm thủ tục hành chính.

Thực hiện kiểm tra nội bộ để phát huy quyền tự chủ về chuyên môn, tổ chức, nhân sự và tài chính của các trường công lập. Chuẩn hóa năng lực quản trị trường học, nhất là ở vùng đặc biệt khó khăn. Đảm bảo công khai, minh bạch, khuyến khích giám sát xã hội.

Chủ động xây dựng và linh hoạt điều chỉnh kế hoạch giáo dục nhà trường. Thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và chương trình mầm non mới. Tăng cường giáo dục STEM, hướng nghiệp, khởi nghiệp, kỹ năng sống, năng lực số. Chuẩn bị các điều kiện, nhất là đội ngũ, chương trình, tài liệu đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học theo lộ trình chung; tổ chức dạy tiếng Trung Quốc tại các địa bàn phù hợp.

Đổi mới giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, kỹ năng sống, quốc phòng - an ninh. Xây dựng văn hóa học đường; bồi dưỡng lòng yêu nước, tự hào dân tộc, khát vọng phát triển đất nước. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị khóa XII “*Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*”.

Triển khai bồi dưỡng 100% cán bộ quản lý, giáo viên về đổi mới quản trị và phương pháp giảng dạy. Đổi mới kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển năng lực người học; đa dạng hình thức, tăng cường công nghệ, phân tích dữ liệu. Thúc đẩy kiểm định và bảo đảm chất lượng giáo dục ở tất cả các cấp học.

3. Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đáp ứng nhu cầu học tập của người dân và thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục

Rà soát, quy hoạch mạng lưới giáo dục phù hợp với địa bàn hành chính cấp xã, địa hình miền núi, biên giới và phân bố dân cư. Bố trí trường lớp liên kết vùng, hạn chế học sinh phải đi xa hoặc học ghép lớp kéo dài sau sáp nhập xã. Rà soát, tinh gọn điểm trường lẻ, nâng cao hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất và đội ngũ.

Bảo đảm quyền tiếp cận giáo dục cơ bản: 100% xã, phường có trường mầm non và tiểu học; đáp ứng nhu cầu học trung học cơ sở tại chỗ. Không để học sinh vùng khó khăn, biên giới phải đi học quá xa. Phát triển mạng lưới giáo dục mở, linh hoạt, đa dạng mô hình và phương thức học tập.

Thúc đẩy các mô hình giáo dục mới và chất lượng cao: Triển khai mô hình trường học số, trường học hạnh phúc; hỗ trợ phát triển trường công lập tự chủ, trường chất lượng cao. Tăng cường liên thông giữa giáo dục phổ thông, nghề nghiệp và đại học. Phát triển hệ thống giáo dục thường xuyên và trung tâm học tập cộng đồng, thúc đẩy học tập suốt đời.

Hỗ trợ vùng khó khăn và đối tượng yếu thế: Ưu tiên phát triển trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú. Thành lập Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tỉnh Lạng Sơn. Tăng cường giáo dục hòa nhập tại các cơ sở giáo dục phổ thông. Triển khai đầy đủ chính sách hỗ trợ học sinh nghèo, dân tộc thiểu số, học sinh vùng khó khăn.

Phát triển giáo dục ngoài công lập và cao đẳng: Khuyến khích đầu tư cơ sở giáo dục ngoài công lập tại khu vực đông dân cư, có điều kiện thuận lợi. Xây mới 05 trường trung học phổ thông theo quy hoạch. Xây dựng, phát triển Trường Cao đẳng Lạng Sơn phát triển theo hướng đa ngành, chất lượng cao, cung ứng nhân lực cho tỉnh đến năm 2030. Xây dựng Trường Trung học phổ thông chuyên Chu Văn An thành trường chất lượng cao, kết nối với mạng lưới các trường phổ thông trọng điểm.

Phát triển giáo dục mầm non và xóa mù chữ: Mở rộng trường mầm non tại xã khó khăn, khu công nghiệp, khu chế xuất, đảm bảo phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi vào năm 2029. Đẩy mạnh xóa mù chữ, nhất là với phụ nữ dân tộc thiểu số và lao động chưa qua đào tạo. Duy trì vững chắc phổ cập tiểu học mức độ 3, phổ cập trung học cơ sở; đẩy mạnh phân luồng sau trung học cơ sở, trung học phổ thông gắn với hướng nghiệp.

4. Phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục

Xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên ngành giáo dục đủ số lượng, cơ cấu hợp lý, đạt chuẩn chất lượng, bản lĩnh chính trị vững vàng, tâm huyết với nghề. Triển khai hiệu quả Quyết định số 1918/QĐ-UBND ngày

02/12/2022 của UBND tỉnh về phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giai đoạn 2023-2025, định hướng đến 2030.

Đẩy mạnh bồi dưỡng thường xuyên, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý; chú trọng trình độ lý luận chính trị cho cán bộ, giáo viên. Rà soát, bố trí, sử dụng đội ngũ khoa học, hợp lý theo nhu cầu thực tiễn từng địa bàn; bảo đảm tuyển đủ giáo viên đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn mới.

Thực hiện chính sách thu hút, tuyển chọn và đãi ngộ hợp lý nhằm khuyến khích người có năng lực, trình độ cao tham gia ngành giáo dục. Mời chuyên gia, giáo viên thỉnh giảng giảng dạy chuyên sâu, chất lượng cao. Tạo môi trường làm việc ổn định, có cơ hội phát triển nghề nghiệp, giúp đội ngũ yên tâm công tác, gắn bó lâu dài. Cải thiện điều kiện làm việc và đời sống vật chất, tinh thần cho giáo viên; thực hiện đầy đủ các chính sách ưu tiên với nhà giáo ở vùng biên giới, vùng khó khăn, cơ sở giáo dục chuyên biệt.

5. Bảo đảm nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất cho phát triển giáo dục

Bảo đảm duy trì tỷ lệ chi ngân sách nhà nước cho giáo dục đạt tối thiểu 20% tổng chi ngân sách địa phương theo quy định; ưu tiên cho các nhiệm vụ trọng tâm: giáo dục bắt buộc, phổ cập, xóa mù chữ, phân luồng, triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và các chương trình mục tiêu quốc gia. Tăng cường đầu tư cho vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới; chú trọng kiên cố hóa trường lớp, chuẩn hóa đội ngũ, chuyển đổi số và nâng cao chất lượng giáo dục.

Huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, đảm bảo công khai, minh bạch, gắn với mục tiêu phát triển bền vững ngành Giáo dục; khuyến khích xã hội hóa, thu hút nguồn lực doanh nghiệp, tổ chức trong và ngoài nước đầu tư cho giáo dục. Phát triển hệ thống giáo dục ngoài công lập, nhất là tại khu/cụm công nghiệp, khu vực thuận lợi nhằm giảm áp lực cho trường công, đa dạng hóa loại hình trường lớp.

Bảo đảm 100% trường mầm non công lập tổ chức độc lập với các trường phổ thông. Đẩy mạnh kiên cố hóa trường lớp, phấn đấu 100% phòng học kiên cố vào năm 2030; bảo đảm an toàn, bền vững, thích ứng thiên tai. Đầu tư đầy đủ các điều kiện dạy học thiết yếu: phòng học bộ môn, thiết bị, công trình vệ sinh, nước sạch, nhà công vụ. Ưu tiên đầu tư cho: Trường dân tộc nội trú, bán trú, vùng khó khăn, các cơ sở giáo dục trọng điểm từ mầm non đến phổ thông, Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, nâng cao hiệu quả hoạt động và mở rộng chức năng giáo dục. Huy động đa dạng nguồn vốn đầu tư: ngân sách, đầu tư công trung hạn, xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác; phân bổ hợp lý, ưu tiên địa bàn khó khăn và biên giới.

6. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong giáo dục

Xây dựng và phát triển văn hóa nghiên cứu trong toàn ngành giáo dục; khuyến khích cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên và nhân viên thực hiện đề tài nghiên cứu, sáng kiến kinh nghiệm gắn với thực tiễn địa phương. Phát huy vai

trò tiên phong của Trường Cao đẳng Lạng Sơn và Trường Trung học phổ thông Chuyên Chu Văn An trong đổi mới sáng tạo, nghiên cứu khoa học. Nâng cao chất lượng công bố khoa học, bảo đảm tính khách quan, liêm chính và tính ứng dụng. Khuyến khích học sinh, sinh viên nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp; tăng cường tư vấn hướng nghiệp vào các ngành khoa học - kỹ thuật, góp phần chuẩn bị nguồn nhân lực cho chuyển đổi số và công nghệ.

Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện ngành giáo dục, hướng tới nền giáo dục thông minh, hiện đại, hội nhập theo mục tiêu Nghị quyết số 47/NQ-HĐND đến năm 2045. Phát triển các mô hình học tập sáng tạo: không gian sáng tạo, vườn ươm ý tưởng, chương trình khởi nghiệp học đường, STEM/STEAM, MOOCs “Bình dân học vụ số”, định danh số người học qua VNeID... Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ hiện đại: AI, Big Data, IoT, điện toán đám mây... trong dạy học, kiểm tra đánh giá và quản trị nhà trường. Trang bị kiến thức, kỹ năng số cho học sinh từ tiểu học.

Triển khai đồng bộ các mô hình trường học thông minh, lớp học ảo, phát triển và sử dụng học liệu số mở, tạo điều kiện để học sinh, sinh viên tiếp cận công nghệ hiện đại từ sớm, học tập linh hoạt, mọi lúc, mọi nơi. Đồng thời, tăng cường các giải pháp bảo đảm an ninh mạng, an toàn dữ liệu và bảo mật thông tin của tổ chức, cá nhân trong quá trình nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong giáo dục.

Thành lập Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Công nghệ trực thuộc Trường Cao đẳng Lạng Sơn, làm đầu mối nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, kết nối với doanh nghiệp, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế. Thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong toàn ngành, xây dựng môi trường học tập mở, năng động; khuyến khích đề xuất giải pháp cải tiến, ứng dụng phương pháp dạy học hiện đại và phát triển mô hình giáo dục mới.

Triển khai đồng bộ chuyển đổi số gắn với chiến lược quốc gia về AI, kinh tế số và xã hội số; thực hiện các giải pháp đột phá theo Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chương trình hành động số 150-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Nghiên cứu chính sách hỗ trợ cán bộ, giáo viên, học sinh, sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp; tổ chức các cuộc thi sáng tạo, tạo môi trường phát triển năng lực số.

Đầu tư phát triển hạ tầng công nghệ thông tin tại các cơ sở giáo dục; xây dựng hệ sinh thái giáo dục số gồm tài nguyên mở, nền tảng trực tuyến, phần mềm quản lý và học liệu số; bảo đảm kết nối với dữ liệu tỉnh và quốc gia. Tập trung hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành, hình thành Trung tâm điều hành giáo dục thông minh cấp tỉnh phục vụ quản lý, điều hành hiệu quả. Phát triển hệ thống học liệu số, bài giảng điện tử, ngân hàng câu hỏi trực tuyến; mở rộng dạy học kết hợp, tiến tới môi trường học tập số hóa hiện đại.

7. Tăng cường hợp tác với các cơ sở trong nước và hội nhập quốc tế

Phát triển hợp tác giáo dục toàn diện, hiệu quả, bền vững. Đẩy mạnh hợp tác song phương, đa phương với tổ chức quốc tế, cơ sở giáo dục nước ngoài, ưu

tiên hợp tác với các nước ASEAN, các nền giáo dục tiên tiến và các địa phương của Trung Quốc. Thực hiện hiệu quả các chương trình, dự án, học bổng hiệp định và cam kết hợp tác khu vực. Khuyến khích các cơ sở giáo dục, đặc biệt Trường Cao đẳng Lạng Sơn thiết lập quan hệ với đại học, viện nghiên cứu trong và ngoài nước. Thúc đẩy liên kết đào tạo, nghiên cứu khoa học, kiểm định chất lượng, chuyển giao công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo. Tổ chức trao đổi cán bộ, giảng viên, học sinh - sinh viên phù hợp với điều kiện địa phương.

Kết nối trường phổ thông, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trường cao đẳng với đại học, học viện, doanh nghiệp, trung tâm nghiên cứu trong nước. Nâng cao năng lực giáo viên, hiệu quả quản lý, nghiên cứu khoa học, thực hành và triển khai mô hình giáo dục hiện đại.

(Phụ lục lộ trình thực hiện các chỉ tiêu của Nghị quyết số 47/NQ-HĐND kèm theo).

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí thực hiện

- Ngân sách nhà nước cấp hằng năm theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

- Nguồn vốn lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, kế hoạch, dự án khác.

- Nguồn vốn vay ưu đãi nước ngoài, vốn ODA.

- Nguồn thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; hoạt động liên doanh, liên kết; cho thuê tài sản công theo quy định của pháp luật.

- Nguồn vốn huy động từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

- Nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật.

2. Hằng năm, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và giải pháp thực hiện, các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện; tổng hợp chung vào dự toán ngân sách hằng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương để trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt theo quy định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan và UBND các xã, phường tham mưu UBND tỉnh trong việc triển khai các nhiệm vụ, đề án thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo Quyết định số 1705/QĐ-TTg sau khi được cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Chủ trì tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; phối hợp với các sở, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan và UBND các xã, phường cụ thể hóa thành các chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ theo giai đoạn và hằng năm. Tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách, chương trình, đề án, dự án về phát triển giáo dục theo

phân cấp; trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện theo quy định.

Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, giám sát và đánh giá việc triển khai Kế hoạch. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện; định kỳ báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo, HĐND, UBND tỉnh theo quy định.

2. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các sở, ngành, địa phương tham mưu UBND tỉnh tổng hợp, lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển giáo dục, đào tạo vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm và hằng năm của tỉnh.

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu ưu tiên bố trí ngân sách cho nhu cầu phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan; bảo đảm tỷ lệ chi ngân sách nhà nước cho giáo dục và đào tạo đạt tối thiểu 20% tổng chi ngân sách nhà nước theo quy định.

Hướng dẫn, tổng hợp, tham mưu cấp có thẩm quyền ưu tiên bố trí nguồn vốn đầu tư công từ ngân sách nhà nước trong kế hoạch trung hạn và hằng năm cho các sở, ngành, địa phương để thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án đầu tư. Bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giáo dục và đào tạo nhằm thực hiện các mục tiêu, giải pháp của Kế hoạch. Đồng thời, tổng hợp, công khai số liệu chi đầu tư cho giáo dục trong kế hoạch trung hạn và hằng năm theo quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

Tổ chức việc xác định, đặt hàng, tuyển chọn các nhiệm vụ khoa học và công nghệ; quản lý hoạt động nghiên cứu, phát triển, ứng dụng khoa học và công nghệ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo cùng các sở, ngành liên quan xây dựng, rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách và quy định nhằm thúc đẩy các hoạt động khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo tại các cơ sở giáo dục, đặc biệt là các cơ sở giáo dục đại học.

Phối hợp với Sở Tài chính đề xuất phương án phân bổ ngân sách chi sự nghiệp khoa học và công nghệ phù hợp với năng lực, kết quả hoạt động khoa học - công nghệ của ngành giáo dục và đào tạo.

4. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu UBND tỉnh ưu tiên bố trí, bổ sung biên chế trong tổng biên chế viên chức được giao hàng năm cho ngành giáo dục phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và đảm bảo định mức do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định, đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục đến năm 2030.

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định chính sách khuyến khích đào tạo sau đại học, trọng dụng và thu hút nhân tài trên địa bàn tỉnh bao gồm các đối tượng thuộc lĩnh vực giáo dục đào tạo.

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu các giải pháp bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục có tầm nhìn, năng lực thích ứng với điều kiện thay đổi, có tinh thần trách nhiệm, năng lực quản lý và điều hành hiệu quả.

5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo cùng các sở, ngành, địa phương hướng dẫn, tạo điều kiện cho các cơ sở giáo dục sử dụng các di tích lịch sử, công trình văn hóa - thể thao trên địa bàn phục vụ công tác giáo dục truyền thống văn hóa, giáo dục thể chất và tổ chức hoạt động thể thao trong nhà trường, góp phần bồi dưỡng, xây dựng con người phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ.

Đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan báo chí, truyền thông trên địa bàn tỉnh tăng cường thời lượng và nâng cao chất lượng tin, bài tuyên truyền về giáo dục và đào tạo.

6. Sở Y tế

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan kiện toàn và nâng cao năng lực hệ thống y tế trường học; bảo đảm công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe toàn diện cho trẻ em, học sinh.

Tập trung triển khai các giải pháp nhằm cải thiện, nâng cao thể lực, sức khỏe, góp phần hình thành và phát triển thể hệ người Việt Nam mới có sức khỏe tốt, thể chất cường tráng, trí tuệ phát triển.

7. Sở Xây dựng

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong công tác quản lý quy hoạch, quản lý chất lượng công trình xây dựng, bảo đảm các công trình trường học được đầu tư xây dựng đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định.

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu, triển khai chính sách hỗ trợ về nhà ở cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, bảo đảm phù hợp với quy hoạch phát triển nhà ở của tỉnh và lĩnh vực phụ trách.

Tham mưu phê duyệt thiết kế mẫu, bản vẽ thi công và dự toán khối lượng phân thân các công trình trường học trên địa bàn tỉnh, phù hợp với điều kiện từng vùng, miền và địa phương.

8. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan triển khai lồng ghép có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026-2030 đảm bảo phù hợp mục tiêu thuộc lĩnh vực giáo dục theo kế hoạch đề ra.

Căn cứ nhu cầu sử dụng đất cho ngành giáo dục và đào tạo do Sở Giáo

dục và Đào tạo, UBND xã, phường đề xuất, tổ chức thẩm định, trình phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; bảo đảm nhu cầu quỹ đất cho ngành giáo dục và đào tạo, thực hiện việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo thẩm quyền để triển khai các dự án theo quy định của Luật Đất đai.

9. Sở Dân tộc và Tôn giáo

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tuyên truyền, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Cụ thể hóa các nội dung của Kế hoạch vào Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở, ngành, cơ quan và UBND xã, phường đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến sâu rộng nội dung Nghị quyết số 47/NQ-HĐND bằng nhiều hình thức đa dạng, thiết thực, hiệu quả đến cán bộ, đảng viên, giáo viên, học sinh, phụ huynh và Nhân dân.

Vận động các tầng lớp Nhân dân tích cực tham gia, tạo sự đồng thuận và đồng hành trong việc triển khai Chiến lược phát triển giáo dục của tỉnh.

11. Ủy ban nhân dân xã, phường

Căn cứ nội dung Kế hoạch, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện tại địa phương; cụ thể hóa và tổ chức thực hiện phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Tăng cường công tác quy hoạch, bố trí đủ quỹ đất cho phát triển giáo dục và đào tạo theo quy định; bảo đảm bố trí kinh phí thực hiện theo phân cấp ngân sách nhà nước; chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án trong lĩnh vực giáo dục trên địa bàn.

Theo chức năng, nhiệm vụ, chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện các nội dung của Kế hoạch; định kỳ kiểm tra, đánh giá việc triển khai, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện hằng năm và theo giai đoạn, gửi Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

12. Cơ sở giáo dục và đào tạo

Tích cực đổi mới, sáng tạo trong công tác quản lý và dạy học; căn cứ nội dung, định hướng của Kế hoạch để xây dựng kế hoạch phát triển của đơn vị phù hợp với quy hoạch, kế hoạch của ngành và xu thế phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh.

Rà soát cơ sở vật chất, lập kế hoạch sửa chữa, duy tu các công trình xuống cấp; bố trí kinh phí thường xuyên, đồng thời huy động các nguồn thu hợp pháp khác để tăng cường, sửa chữa cơ sở vật chất phục vụ triển khai các chương trình giáo dục mới.

Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện gửi UBND xã, phường và Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo theo quy định.

Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường; các tổ chức chính trị - xã hội có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao, chỉ đạo xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này. **Trước ngày 10/12 hằng năm**, báo cáo kết quả thực hiện về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo, HĐND tỉnh và UBND tỉnh theo quy định. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Giáo dục và Đào tạo*) để xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Trường Cao đẳng Lạng Sơn;
- UBND các xã, phường;
- C, PCVP, các Phòng CM, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KGVX^(NTH).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Xuân Huyền